

## **KẾ HOẠCH**

**Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020  
Thực hiện Chương trình hành động số 216-CTr-/TU ngày 23/7/2015  
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW  
của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT  
đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế**

Thực hiện Chương trình hành động số 216-CTr-/TU ngày 23/7/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xây dựng Kế hoạch ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 như sau:

### **I. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **1. Về hạ tầng công nghệ thông tin**

Thời gian qua hệ thống mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước đã kết nối thông suốt và triển khai đồng bộ các phần mềm ứng dụng ở các cấp. Hệ thống mạng LAN ở các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã được củng cố. Tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính phục vụ công việc đạt gần 100% ở cấp tỉnh và trên 90% ở cấp huyện.

#### **2. Về ứng dụng công nghệ thông tin**

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước đã đóng vai trò tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, các cuộc họp giữa cấp tỉnh với cấp huyện, cấp huyện với cấp xã được thực hiện trực tuyến; văn bản các cơ quan hành chính đã thực hiện trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành eOffice để trao đổi văn bản qua môi trường mạng; cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống Nhà nước đều đã sử dụng thư điện tử để trao đổi công việc; việc ứng dụng chữ ký số được triển khai đồng bộ đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản điện tử.

- Các phần mềm ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp cũng được tỉnh chú trọng như: quản lý hộ tịch, một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến, số

liên lạc điện tử, đánh giá sự hài lòng của công dân đối với công chức bộ phận một cửa...

- Công thông tin điện tử tỉnh được duy trì ổn định, thông tin hoạt động điều hành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, việc tiếp nhận và trả lời ý kiến công dân trên Công thông tin điện tử được thực hiện kịp thời

- Ứng dụng Công nghệ thông tin trong doanh nghiệp chuyên biến tích cực, các doanh nghiệp đã trang bị chứng thư số phục vụ cho việc khai báo thuế qua mạng. Một số doanh nghiệp tiến hành mua bán hàng qua mạng, những doanh nghiệp chưa có điều kiện thiết lập website riêng đã biết tận dụng mạng xã hội để quảng cáo sản phẩm và rao bán hàng qua mạng.

- Người dân đã nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin, các hộ gia đình có thu nhập trung bình, khá, giàu đã trang bị máy tính, nối mạng internet cho con em học tập và tìm hiểu thông tin khoa học kỹ thuật trên mạng để phục vụ sản xuất và đời sống. Phần lớn những người sử dụng điện thoại thông minh, máy tính bảng đều đã sử dụng mạng xã hội.

### **3. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin**

Một số doanh nghiệp chủ động phát triển phần mềm và cung cấp dịch vụ nội dung số như: VNPT, Prosoft, Trung tâm tin học Tỉnh, Trung tâm Tin học thành phố Cao Lãnh. Các doanh nghiệp phần cứng cũng dần lớn mạnh, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp ngoài tỉnh.

### **4. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin**

Phần lớn các cơ quan, Doanh nghiệp Nhà nước đều có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, thường xuyên được tập huấn nâng cao trình độ, đủ sức tiếp nhận và triển khai các chương trình, dự án từ các đối tác và các cơ quan cấp trên. Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức được nâng lên đáng kể sau khi tỉnh ban hành Quy chế kiểm tra trình độ tin học cơ bản đối với cán bộ công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước.

### **5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin**

Từ năm 2014 các địa phương, đơn vị đã có ý thức hơn trong việc theo dõi hoạt động của hệ thống, thường xuyên sao lưu dữ liệu, trang bị thiết bị dự phòng, thiết lập hệ thống tường lửa... nên tình hình an toàn, an ninh thông tin thời gian qua được đảm bảo.

### **6. Đánh giá chung:**

Nhìn chung, các chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2011-2015 so với quy hoạch công nghệ thông tin giai đoạn 2011-2020 đều đạt và vượt so với chỉ tiêu đề ra, đặc biệt là lĩnh vực phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, nhiều năm liền năm trong top các tỉnh, thành phố có chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức khá,

là 01 trong các tỉnh, thành phố đứng top đầu trong sử dụng văn bản điện tử và thư điện tử.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế như sau:

- Hạ tầng công nghệ thông tin còn phân tán, chưa có sự chia sẻ nguồn lực giữa các Doanh nghiệp. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin còn hạn chế, chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ thông tin.

- Một số ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước còn chông chéo; Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử thấp; Tỷ lệ hộ gia đình có máy vi tính chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

- Công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh còn non trẻ, chủ yếu hoạt động kinh doanh thiết bị phần cứng; công nghệ phần mềm còn nhỏ lẻ, sức cạnh tranh yếu.

- Năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, nhất là cấp huyện chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.

## **II. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH**

### **1. Mục tiêu chung**

- Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong tất cả các cơ quan Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp, bảo đảm quốc phòng, an ninh, là phương tiện chủ lực để nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, tạo ra môi trường làm việc điện tử, giao dịch điện tử rộng khắp.

- Xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng CNTT, hoàn thiện và thống nhất áp dụng các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, chương trình ứng dụng dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh.

- Từng bước xây dựng và phát triển công nghiệp CNTT trở thành một ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao và đóng góp vào sự tăng trưởng chung của tỉnh.

- Phát triển và thu hút nguồn nhân lực đáp ứng cơ bản yêu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh.

- Phấn đấu đến năm 2020 Đồng Tháp là tỉnh mạnh về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, xây dựng hoàn chỉnh chính quyền điện tử.

### **2. Các chỉ tiêu đến năm 2020.**

#### *2.1. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin:*

- 100% số xã kết nối internet băng rộng bằng cáp quang; 100% số ấp thuộc các xã nông thôn mới được kết nối internet tốc độ từ 2Mbps trở lên.

- 100% cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được kết nối mạng cục bộ (LAN) và mạng diện rộng (WAN) để khai thác các

phần mềm dùng chung và trao đổi thông tin trên mạng. Hệ thống mạng máy tính của các cơ quan đảng, nhà nước từ cấp huyện đến cấp tỉnh phải được trang bị hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính phục vụ công việc. Trừ những máy tính soạn thảo, lưu trữ vào trao đổi văn bản mật, tất cả các máy tính của hệ thống chính trị phải được nối mạng internet để trao đổi, khai thác thông tin (trừ các cơ quan Đảng có quy định riêng).

- Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính và điện thoại thông minh đạt trên 80%.

- Tỷ lệ hộ gia đình kết nối internet băng rộng đạt 40% trở lên.

- Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt trên 70%.

- 100% số xã được lắp đặt ít nhất 03 máy tính nối mạng internet, phục vụ miễn phí cho bà con nông thôn.

## 2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin:

- 100% cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để xử lý công việc, trao đổi thông tin, gửi/nhận văn bản trong nội bộ.

- Tỷ lệ văn bản trao đổi qua môi trường mạng đạt từ 90% trở lên.

- Trên 90% văn bản đi, đến phải được số hóa.

- Trên 90% văn bản chỉ đạo điều hành của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử.

- 80% cuộc họp giữa cấp tỉnh với huyện, cấp huyện với xã được tổ chức theo hình thức trực tuyến.

- 90% lãnh đạo cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện sử dụng chữ ký số để ký thông báo, thư mời họp, văn bản góp ý và một số văn bản hành chính thông thường.

- 100% cơ quan hành chính ứng dụng phần mềm một cửa điện tử và sẵn sàng tiếp nhận hồ sơ thủ tục qua môi trường mạng.

- 100% trường phổ thông sử dụng phần mềm quản lý trường học và số liên lạc trực tuyến; 100% học sinh THCS có nhu cầu học môn tin học tự chọn đều được đáp ứng; Tỷ lệ học sinh tiểu học được học môn tin học đạt trên 35%.

- 100% bệnh viện trên địa bàn tỉnh sử dụng phần mềm quản lý tổng thể bệnh viện; Trên 50% bệnh viện được trang bị hệ thống chẩn đoán bệnh từ xa; 100% cơ sở y tế cấp huyện trở lên được trang bị phần mềm quản lý khám và điều trị; Hoàn thiện mạng y tế và cập nhật các thông tin y tế, hệ thống cảnh báo dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng lên mạng.

- Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đạt 90% trở lên; Trên 50% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử; 75% doanh nghiệp

tham gia thương mại điện tử; Tỷ lệ doanh nghiệp khai báo thuế qua mạng đạt trên 90%.

### *2.3. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin*

- 100% cơ quan quản lý nhà nước về công nghệ thông tin ở cấp huyện có ít nhất 01 lãnh đạo có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin.

- Trên 70% lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện được phân công phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin (CIO) được đào tạo, tập huấn kỹ năng lãnh đạo công nghệ thông tin.

- 60-70% giảng viên đại học, cao đẳng ngành công nghệ thông tin có bằng thạc sĩ công nghệ thông tin trở lên.

- Trên 80% cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị kinh tế biết sử dụng máy tính và giao dịch điện tử trên internet.

- Trên 90% thanh niên nông thôn biết sử dụng máy tính và khai thác thông tin trên mạng internet.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, đủ khả năng vận hành, khai thác các hệ thống thông tin hiện đại.

- Quan tâm đào tạo “công dân điện tử” song hành với nhiệm vụ xây dựng “chính quyền điện tử”.

### *2.4. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin:*

- Ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số, nhất là các phần mềm trên nền tảng di động. Phân đầu mỗi năm có ít nhất 02 sản phẩm phần mềm và nội dung số do các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được kinh doanh rộng rãi ở thị trường trong nước và quốc tế.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh xúc tiến thương mại, trước mắt hợp tác gia công phần mềm cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, sau đó từng bước phát triển các phần mềm ứng dụng độc lập.

### *2.5. Đảm bảo an toàn an ninh thông tin:*

- 100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo các tiêu chuẩn do Nhà nước quy định và được kiểm tra, đánh giá định kỳ mức độ đảm bảo an toàn thông tin.

- 100% cơ quan thuộc hệ thống chính trị được cấp chứng thư số chuyên dùng; các ứng dụng về Chính phủ điện tử và Thương mại điện tử đều được triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin.

- Hàng năm tổ chức hội thảo hoặc diễn tập về an toàn, an ninh thông tin để đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, công chức chuyên trách công nghệ thông tin nâng cao nhận thức và cập nhật kiến thức để tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của địa phương, đơn vị mình quản lý.

- Tăng cường giám sát để kịp thời loại bỏ, ngăn chặn các thông tin phá hoại của các thế lực thù địch, thông tin trái chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quản lý chặt chẽ báo chí điện tử và các loại hình truyền thông trên internet nhằm tận dụng tối đa tiềm năng tích cực, hạn chế mặt trái, tiêu cực.

- Thành lập lực lượng xử lý nhanh sự cố máy tính với lực lượng nòng cốt từ Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm tin học và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách của tỉnh về ứng dụng và phát triển CNTT**

- Tiếp tục hoàn thiện, thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của tỉnh đã được ban hành; kịp thời cập nhật, điều chỉnh theo yêu cầu của Trung ương và phù hợp với xu thế phát triển; tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, thuận lợi, minh bạch, công khai, bình đẳng cho các nhà đầu tư; bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin trọng điểm của tỉnh.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về ưu tiên sử dụng các sản phẩm CNTT sản xuất trong nước, có thương hiệu Việt Nam trong các công trình, hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp CNTT trong tỉnh làm chủ thầu các dự án cung cấp dịch vụ CNTT cho các cơ quan nhà nước. Hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT vay vốn, đào tạo nhân lực, phát triển thị trường và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ để ứng dụng và phát triển công nghệ mới.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, đào tạo nhân lực công nghệ thông tin, mức chi đầu tư cho công nghệ thông tin hàng năm được bố trí tối thiểu bằng 2% tổng mức chi ngân sách nhà nước của tỉnh.

- Có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin trong hệ thống chính trị nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao về công nghệ thông tin vào phục vụ trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị của tỉnh, mức phụ cấp ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin từ 25% đến 30% lương cơ bản.

- Rà soát, bổ sung hệ thống chỉ tiêu khen thưởng, đánh giá mức độ và hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị hàng năm.

#### **2. Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin đồng bộ, hiện đại**

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin từ tỉnh đến cấp xã để mở rộng mạng WAN của tỉnh, cấp huyện; kết nối với hệ thống mạng của

các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhằm chia sẻ dữ liệu, thông tin và làm việc trên môi trường mạng.

- Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, áp dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cao để phục vụ việc quản lý, vận hành tập trung các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh, đáp ứng đầy đủ nhu cầu, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước của tỉnh.

- Xây dựng hoàn chỉnh mô hình Tổ Nông dân hội nhập, đầu tư máy tính nối mạng tại các Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng để hỗ trợ miễn phí cho người dân nông thôn tìm hiểu thông tin khoa học, giá cả thị trường, giao lưu với các nhà khoa học thông qua mạng internet.

- Rà soát, bổ sung vào quy hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh, trọng tâm xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin số trên tất cả các lĩnh vực chủ yếu: dân cư, đất đai, tài nguyên, môi trường, doanh nghiệp,... để phục vụ chung cho tỉnh, chia sẻ dữ liệu với Trung ương và xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh.

### **3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, lĩnh vực**

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành kinh tế, kỹ thuật để tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực quản lý và sức cạnh tranh. Tập trung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào công tác quản lý ngành, lĩnh vực, nhất là việc vận hành hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Tỉnh như: giáo dục, y tế, giao thông, điện, hạ tầng đô thị, nông nghiệp, phát triển nông thôn; số hóa tài liệu học tập và mở rộng việc dạy học qua mạng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; quản lý nguồn lực lao động, việc làm; chính sách xã hội, người có công, xóa đói, giảm nghèo; quản lý môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ; hình thành và phát triển thương mại điện tử, thanh toán điện tử, đấu thầu qua mạng trong việc mua sắm tài sản công.

- Cung cấp đầy đủ các dịch vụ hành chính công ở mức độ 3, mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính cơ bản, thiết yếu thuộc thẩm quyền của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện, xã để từng bước hướng đến hiện đại hóa nền hành chính phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh.

### **4. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin**

- Chú trọng hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở, chuẩn mở. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Khuyến khích hợp tác phát triển, chuyển

giao, mua bán công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ.

- Đổi mới nội dung, hình thức đối với việc thi tuyển công chức, viên chức vào làm việc trong cơ quan nhà nước đối với lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các cơ sở đào tạo nghề. Đảm bảo học sinh, sinh viên sau khi ra trường có đủ trình độ, kỹ năng làm việc cho các cơ quan, doanh nghiệp trong nước và thị trường lao động quốc tế.

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp của tỉnh trong việc đào tạo nhân lực công nghệ thông tin gắn với nhu cầu của xã hội. Hỗ trợ sinh viên công nghệ thông tin trong thực tập, nghiên cứu tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước.

- Tạo điều kiện cho các nhà khoa học, chuyên gia về công nghệ thông tin trong và ngoài tỉnh, kể cả ở nước ngoài chuyển giao những tri thức và công nghệ tiên tiến cho tỉnh.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước để hình thành đội ngũ công chức điện tử; đào tạo chuyên sâu cho lực lượng chuyên trách về công nghệ thông tin ở các ngành, các cấp, đảm bảo đủ trình độ, năng lực tiếp nhận và làm chủ công nghệ mới, nhất là về công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

- Dành một khoản ngân sách thực hiện phổ cập tin học đối với thanh niên, phụ nữ, người dân nông thôn để có thể tiếp cận và truy cập thông tin từ internet phục vụ sản xuất, đời sống, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, tham gia quản lý, kiểm tra hoạt động của cơ quan nhà nước qua hệ thống mạng của cơ quan nhà nước,... góp phần hình thành công dân điện tử.

##### **5. Tăng cường công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin, nâng cao năng lực quản lý mạng, hạ tầng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin**

- Gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin với đảm bảo an toàn an ninh thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, của quốc gia. Xây dựng lực lượng chuyên trách về an toàn, an ninh thông tin của tỉnh; thực hiện phối hợp chặt chẽ các lực lượng công an, quân sự, cơ quan quản lý chuyên ngành, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, thông tin và truyền thông trong việc đảm bảo an toàn thông tin đối với hạ tầng thông tin trọng yếu của quốc gia, của tỉnh, kịp thời xử lý, khắc phục các sự cố mạng, tấn công mạng xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin do trong nước sản xuất. Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong tỉnh tham gia phát triển, sáng tạo các sản phẩm, giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Tăng cường giám sát, phát hiện và kịp thời loại bỏ các thông tin phá hoại của các thế lực thù địch, thông tin trái chủ trương, đường lối của Đảng, chính



sách, pháp luật của Nhà nước. Quản lý chặt chẽ các báo điện tử, cổng/trang thông tin điện tử, các loại hình truyền thông trên mạng internet nhằm tận dụng tối đa các tiềm năng, mặt tích cực và hạn chế mặt trái, mặt tiêu cực.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Thông tin và Truyền thông:**

- Phối hợp với các cơ quan báo, đài, cổng thông tin điện tử tuyên truyền nội dung Kế hoạch đến các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng) Văn hóa – Thông tin được phân công phụ trách quản lý nhà nước về công nghệ thông tin

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2011-2020, xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch hàng năm.

- Làm đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc kêu gọi đầu tư, tranh thủ các nguồn vốn viện trợ hợp pháp, thực hiện các chính sách của Trung ương và ban hành các chính sách riêng của địa phương nhằm đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp tổ chức các lớp tập huấn và bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Sớm triển khai dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu kiểu bào và đồng hương Đồng Tháp để tập hợp các nhà khoa học, các chuyên gia công nghệ thông tin là người Đồng Tháp đóng góp nhân lực, vật lực xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh mạnh về công nghệ thông tin.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ công nghệ thông tin của tỉnh và các ngành tỉnh. Đảm bảo nguồn vốn đầu tư cho công nghệ thông tin hàng năm tối thiểu bằng 2% tổng mức chi ngân sách tỉnh.

##### **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông bố trí kinh phí sự nghiệp phục vụ yêu cầu phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phù hợp với yêu cầu của từng ngành, địa phương và khả năng của ngân sách.

#### **4. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Trường Chính trị tổ chức bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức cấp xã.

- Kiểm tra việc đưa kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào tiêu chí bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức lãnh đạo theo Quy chế kiểm tra trình độ ứng dụng tin học cơ bản đối với cán bộ, công chức lãnh đạo cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh Đồng Tháp (kèm theo Quyết định số 246/QĐ-UBND.HC ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp).

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai, kiểm tra kết quả ứng dụng phần mềm một cửa điện tử cấp tỉnh, huyện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mỗi huyện phải bố trí ít nhất 01 lãnh đạo Phòng Văn hóa – Thông tin có trình độ đại học chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi đối với đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước với mức ưu đãi từ 25% đến 30% lương cơ bản.

#### **5. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực CNTT trong toàn xã hội

#### **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

Hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh thực thi quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu, sáng chế, giải pháp hữu ích) trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; thực hiện các đề tài nghiên cứu phát triển các sản phẩm CNTT phù hợp với nội dung kế hoạch.

#### **7. Sở Công Thương**

Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, thúc đẩy việc ứng dụng CNTT trong các ngành công nghiệp.

#### **8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh**

Xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an ninh thông tin.

#### **9. Trung tâm Tin học tỉnh**

- Chịu trách nhiệm duy trì ổn định hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu. Thường xuyên theo dõi hoạt động và kịp thời xử lý sự cố các hệ thống: Một cửa điện tử, hộ tịch, báo cáo thống kê trực tuyến, hội nghị trực tuyến, thư điện tử, cổng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử.

- Theo dõi hoạt động của hệ thống mạng WAN để kịp thời khắc phục sự cố và giải quyết nhu cầu phát sinh của các địa phương, đơn vị.

- Hỗ trợ các địa phương vận hành, bảo dưỡng hệ thống mạng. Bố trí ít nhất 01 máy chủ dự phòng để ứng cứu kịp thời cho các địa phương, đơn vị khi xảy ra sự cố.

- Định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu và các hệ thống thông tin về Sở Thông tin và Truyền thông.

#### **10. Các ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.**

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin của ngành, địa phương.

- Bố trí kinh phí thích hợp cho việc trang bị máy tính và triển khai ứng dụng các phần mềm trong hoạt động quản lý, điều hành.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông tập hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

#### **11. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNTT và truyền thông**

Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, đề xuất các sáng kiến, chuẩn bị nguồn lực cho việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Yêu cầu các ngành, các cấp và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch này./.

#### **Nơi nhận:**

- VP Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT & các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VXKG, BM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Thị Thái**

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011-2015 & MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu trong Quy hoạch đến 2015	Kết quả thực hiện	Đánh giá	Mục tiêu đến năm 2020
<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CNTT</b>				
Tỷ lệ xã được cung cấp dịch vụ internet băng rộng <sup>1</sup>	98%	100%	Vượt	100%
Tỷ lệ ấp thuộc các xã nông thôn mới được cung cấp dịch vụ internet băng rộng	> 80%	100%	Vượt	100%
Tỷ lệ CBCC được trang bị máy vi tính phục vụ công việc				
Cấp Tỉnh	100%	100%	Đạt	100%
Cấp huyện	100%	100%	Đạt	100%
Cấp xã	80%	> 80%	Vượt	100%
Tỷ lệ máy tính trong cơ quan Đảng, Nhà nước nối mạng cục bộ, mạng internet (trừ các máy soạn và lưu trữ văn bản mật)				
Cấp Tỉnh	100%	100%	Đạt	100%
Cấp huyện	100%	100%	Đạt	100%
Cấp xã	100%	85%	Không đạt	100%

<sup>1</sup> Internet băng rộng được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tốc độ tối thiểu 256 Kbps

<b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC</b>				
Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành				
Cấp tỉnh	100%	90%	Chưa đạt	100%
Cấp huyện	80%	> 80%	Vượt	100%
Tỷ lệ CBCC sử dụng thư điện tử phục vụ công việc	95%	> 95%	Vượt	100%
Tỷ lệ VB trao đổi qua môi trường mạng	40%	> 60%	Vượt	90%
Tỷ lệ họp trực tuyến giữa cấp tỉnh với cấp huyện	60%	> 60%	Vượt	80%
Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng chữ ký điện tử	50%	7%	Không đạt	Không đạt chỉ tiêu này do chữ ký số cá nhân sử dụng không hiệu quả
Triển khai phần mềm một cửa điện tử đến các SBN, huyện, TX, TP	100%	100%	Đạt	100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện, xã
Cung cấp thủ tục hành chính công trực tuyến mức 3, mức 4	> 50	> 400	Vượt	90% thủ tục hành chính
<b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC</b>				
Tỷ lệ trường phổ thông (THPT, THCS, Tiểu học) sử dụng số liên lạc trực tuyến	50%	100%	Vượt	100%
Tỷ lệ giáo viên sử dụng máy tính hỗ trợ giảng dạy	50%	90%	Vượt	100%

Tỷ lệ trường THCS dạy môn tin học	100%	77,46%	Chưa đạt	100%
Tỷ lệ học sinh THCS có nhu cầu được học môn tin học	70%	22,78%	Chưa đạt	100%
Tỷ lệ trường tiểu học dạy môn tin học	50%	18,18%	Chưa đạt	100%
Tỷ lệ học sinh tiểu học có nhu cầu được học môn tin học	28%	10,1%	Chưa đạt	35%
<b>ỨNG DỤNG CNTT TRONG Y TẾ</b>				
Tỷ lệ bệnh viện được trang bị phần mềm quản lý bệnh viện	70%	100%	Vượt	100%
Số bệnh viện được trang bị hệ thống chẩn đoán bệnh từ xa	02	0	Không đạt	50%
Tỷ lệ cơ sở y tế cấp huyện được trang bị phần mềm quản lý khám và điều trị bệnh	55%	100%	Đạt	100%
<b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DOANH NGHIỆP</b>				
Tỷ lệ DN ứng dụng CNTT trong quản lý	42%	> 80%	Vượt	90%
DN có trang thông tin điện tử	35%	< 30%	Không đạt	50%
Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử	50%	< 10%	Không đạt	75%
Tỷ lệ doanh nghiệp khai báo thuế qua mạng	35%	> 80%	Vượt	90%
<b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DÂN CƯ</b>				
Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	30%	23,8%	Chưa đạt	80% (máy tính + điện thoại thông minh)

Tỷ lệ hộ nối mạng internet	15%	23,19%	Vượt	40%
Tỷ lệ người sử dụng internet	40%	> 40%	Vượt	70%
<b>PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC</b>				
Tỷ lệ giảng viên đại học, cao đẳng ngành CNTT có bằng thạc sĩ trở lên	55%			
Đào tạo nguồn nhân lực CNTT ở các trường đại học, cao đẳng và các trường dạy nghề	400-500 lao động/năm	> 300	Không đạt	200 lao động/năm (do nhu cầu học giảm)
Cán bộ lãnh đạo quản lý biết sử dụng máy tính và giao dịch điện tử				80%
Cơ quan QLNN về CNTT cấp huyện bố trí lãnh đạo có trình độ chuyên môn về CNTT				100%
Thanh niên nông thôn biết sử dụng máy tính và khai thác thông tin trên mạng internet				> 90%
<b>CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>				
Tỷ lệ doanh thu hàng năm của ngành CNTT so với GDP của tỉnh	3-4%			Tính không còn tính giá trị GDP
Sản xuất phần mềm và nội dung số				Từ 2 sản phẩm/năm trở lên
<b>ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN</b>				
Áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin				100% cơ quan nhà nước

**PHỤ LỤC 2**

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2011-2015  
THEO QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2011-2020**

*(Kèm theo Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

S T T	Tên chương trình, đề án, dự án	Kinh phí (tỷ đồng)	T/g thực hiện	Giải ngân đến 2015	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu	Kết quả thực hiện
<b>1</b>	<b>Phát triển hạ tầng CNTT</b>						
1	Phát triển hạ tầng Internet băng rộng		2012- 2015		Các DN viễn thông	Cung cấp dịch vụ Internet băng rộng cho các tổ chức, cá nhân trên toàn tỉnh	Đã cung cấp dịch vụ internet băng rộng đến 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh (cả có dây và không dây)
2	Triển khai mạng TSL chuyên dùng đến cơ quan cấp huyện, cấp xã		2013- 2015		VNPT	Cung cấp đường truyền để kết nối mạng LAN của các đơn vị trực thuộc với UBND cấp huyện	Đã kết nối đến tất cả các xã phường theo hình thức thuê dịch vụ
3	Nâng cao năng lực hệ thống mạng máy tính cơ quan Đảng	12	2012 – 2015	12	VPTU	Triển khai phần mềm ứng dụng; Thay thế, bổ sung thiết bị đã đầu tư ở giai đoạn trước	
4	Thiết lập hệ thống mạng phục vụ công tác chỉ huy quân sự	4,359	2013- 2015	3,5	BCHQS Tỉnh	Phục vụ thông tin chỉ huy, huấn luyện, phòng thủ, tác chiến	Năm 2015 hoàn thành
5	Xây dựng mạng WAN cho UBND cấp huyện		2013- 2015	Trả cước hàng tháng	UBND các huyện, TX, TP	Kết nối mạng LAN của các đơn vị trực thuộc lại với nhau để triển khai các ứng dụng (tập trung trên địa bàn huyện)	Đã kết nối theo hình thức thuê dịch vụ



S T T	Tên chương trình, đề án, dự án	Kinh phí (tỷ đồng)	T/g thực hiện	Giải ngân đến 2015	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu	Kết quả thực hiện
6	Xây dựng mạng LAN cho cơ quan cấp xã	Kinh phí hoạt động thường xuyên của cấp xã	2012-2015	Chưa tổng hợp được	UBND các huyện, TX, TP	Đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin nội bộ giữa các bộ phận cấp xã	Các xã, phường, thị trấn đã tự kết nối mạng
7	Hệ thống mạng thông tin tái nguyên và môi trường	11,4	2012-2013	0	Sở TNMT	Xây dựng hạ tầng để triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu tái nguyên và môi trường	Dự án đã được phê duyệt, thực hiện giai đoạn 2016-2017
8	Xây dựng hệ thống cấp quang dùng riêng của Công an tỉnh Đồng Tháp	18	2012-2014	0	Công an Tỉnh	Triển tin hiệu của các camera giám sát về trung tâm thông tin chỉ huy (Chủ yếu sử dụng nguồn vốn ngành CA, tinh hỗ trợ 1 phần)	Tạm dừng, chờ ý kiến chỉ đạo của Bộ Công an do kinh phí xử phạt hành chính của ngành công an nộp về Bộ Công an
9	Xây dựng mô hình Tổ nông dân hội nhập	4,084	2011-2012	3,9	Sở TTTT	Cung cấp mỗi điểm 3 máy vi tính kết nối mạng internet, phục vụ miễn phí cho người dân nông thôn	Được phê duyệt triển khai từ 2013-2015, đã thực hiện xong
10	Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng	15	2012-2015	10	Sở TTTT + Sở VH-TTDL	Quỹ Bill & Melinda Gates tài trợ, ngân sách địa phương đối ứng để duy trì hoạt động	Đã thực hiện xong năm 2013
11	Xây dựng thành phố điện tử	5	2012-2015	0	UBND TPCL	Triển khai các thủ tục hành chính công trực tuyến mức 3; Ứng dụng PM nội của điện tử đến cấp phường; Cung cấp dịch vụ Internet không dây và ki-ốt tra cứu thông tin nơi công cộng	Chưa triển khai

S T T	Tên chương trình, đề án, dự án	Kinh phí (tỷ đồng)	T/g thực hiện	Giải ngân đến 2015	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu	Kết quả thực hiện
12	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu	6,5	2014- 2015	6,5	TT Tin học	Nâng cao năng lực của Trung tâm tích hợp dữ liệu, đáp ứng nhu cầu phát triển đa dịch vụ, đa ứng dụng với chi phí tiết kiệm	Hoàn thành năm 2015
<b>II</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin</b>						
1	Nhân rộng phần mềm Một cửa điện tử	7,7	2012- 2013	7	Sở TTTT	Tin học hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính, hướng dẫn TTHC, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tra cứu kết quả giải quyết TTHC	Đã thực hiện xong (dự án ứng dụng phần mềm một cửa điện tử giai đoạn 2, thực hiện 2013-2014)
2	Triển khai phần mềm Văn phòng điện tử cấp tỉnh, huyện	12.342	2012- 2015	11	Sở TTTT	Hỗ trợ điều hành, tác nghiệp, trao đổi văn bản qua môi trường mạng, quản lý văn bản đi, đến, lưu trữ VB dạng điện tử	Đã thực hiện xong
3	Xây dựng Hệ thống thông tin tổng thể phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	4	2012- 2014		VP UBND Tỉnh + Sở TTTT	Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp	Đã thực hiện xong (phần mềm báo cáo chỉ tiêu kinh tế - xã hội)
4	Hệ thống thông tin thống kê	1	2011- 2012	0	VP UBND Tỉnh + Cục Thống kê	Xây dựng cơ sở dữ liệu và tra cứu số liệu thống kê trực tuyến	Chưa thực hiện
5	Hệ thống thông tin khiếu nại, tố cáo	1,4	2011- 2012	0	VP UBND Tỉnh + Thanh tra Tỉnh	Tin học hóa công tác tiếp nhận, giải quyết khiếu nại tố cáo (Quý Microsoft tài trợ)	Không sử dụng phần mềm do Quý Microsoft tài trợ (do không đạt yêu cầu) Đã tiếp nhận phần mềm từ Thanh tra Chính phủ

S T T	Tên chương trình, đề án, dự án	Kinh phí (tỷ đồng)	T/g thực hiện	Giải ngân đến 2015	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu	Kết quả thực hiện
6	Hệ thống thông tin y tế	20	2012- 2014	0	Sở Y tế		Chưa thực hiện
8	Quản lý cấp chứng chỉ hành nghề y, dược	1,6		0	Sở Y tế	Quỹ Microsoft tài trợ	Phần mềm do Quỹ Microsoft tài trợ (do không đạt yêu cầu)
9	Hệ thống thông tin ngành công thương	15	2012- 2014	0	Sở Công Thương	Xây dựng hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành Công Thương	Chưa thực hiện
10	Hệ thống thông tin nông nghiệp và PTNT	15	2013- 2015	0	Sở NN&PTNT	Xây dựng hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và PTNT	Chưa thực hiện
12	Hệ thống thông tin hộ tịch	6	2012- 2013		Sở Tư Pháp	Quản lý con người từ lúc khai sinh đến lúc khai tử	Đã thực hiện xong
14	Ứng dụng công nghệ GIS quản lý tài nguyên và môi trường	5,115	2012- 2014	5,	Sở TNMT	Xây dựng bản đồ số và phần mềm quản lý: đất đai, môi trường	Hoàn thành năm 2015
19	Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường	5	2012- 2015	0	Sở TNMT	Tiếp nhận từ TW, tính đối ứng 1 phần kinh phí	Chưa thực hiện do TW chưa triển khai
21	Cơ sở dữ liệu lao động, việc làm	3	2014- 2015	0	Sở LĐ-TB&XH	Hỗ trợ DN tìm kiếm lao động, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm	Chưa thực hiện
22	Cơ sở dữ liệu kiều bào và dòng hương Đồng Tháp	1,5	2013- 2014	0	Sở TTTT + Hội đồng hương + Hội Thân nhân kiều bào	Làm cầu nối giao lưu tình cảm cho những người con Đồng Tháp đang sống xa quê, tạo điều kiện cho họ có cơ hội công hiến xây dựng quê hương Đồng Tháp	Chưa thực hiện, dự kiến chuyển sang giai đoạn 2016-2020

S T T	Tên chương trình, đề án, dự án	Kinh phí (tỷ đồng)	T/g thực hiện	Giải ngân đến 2015	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu	Kết quả thực hiện
23	Số hóa Tài liệu lưu trữ của Tỉnh		2013- 2015	0	Sở Nội vụ	Số hóa và quản lý tài liệu lưu trữ	Chưa thực hiện, dự kiến chuyển sang giải đoạn 2016-2020
24	Mở rộng hệ thống thông tin quản lý CBCC đến cấp xã	4	2013- 2015		Sở Nội vụ	Quan lý CBCC trên phạm vi toàn tỉnh	Đã thực hiện chung với phần mềm quản lý CBCCVC
25	Phần mềm theo dõi, giao nhiệm vụ	0,151	2014		VP. UBND tỉnh		
26	Phần mềm đánh giá sự hài lòng của công dân với CBCC bộ phận một cửa		2014		Sở Nội vụ		
27	Phần mềm đánh giá cán bộ, công chức		2014		Sở Nội vụ	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBCC	
28	Phần mềm lịch công tác		2014	Cho thuê dịch vụ	TTTH TP. Cao Lãnh	Hỗ trợ cho các cơ quan nhà nước, CBCC lãnh đạo theo dõi lịch làm việc mọi lúc, mọi nơi	
III	Đề án phát triển CNTT ngành Giáo dục và Đào tạo	46,358	2012- 2015	20	Sở GD- ĐT	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT của Tỉnh	Dự án được phê duyệt, thực hiện từ 2014- 2018, đang thực hiện
<b>TỔNG CỘNG</b>							

**PHỤ LỤC 3**  
**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Trong đó					Dự kiến Tg thực hiện	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu
			NSTW hỗ trợ	NS ĐP	Doanh nghiệp	Vốn tài trợ	Vốn XHH			
1	<b>Phát triển hạ tầng CNTT</b>	66,4	0	66,4	0	0	0			
1	Xây dựng giải pháp an toàn, an ninh thông tin cho mạng LAN của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	15		15				2016	Sở Thông tin và Truyền thông	Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị
2	Hệ thống mạng thông tin tài nguyên và môi trường	11,4		11,4				2016-2017	Sở TN&MT	Chuẩn bị hạ tầng để triển khai CSDL tài nguyên và môi trường
3	Xây dựng thành phố điện tử	10		10				2016-2017	UBND TPCL, TPSP	Cung cấp dịch vụ internet miễn phí ở các điểm công cộng; Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, du khách tiếp cận chủ trương, chính sách, thông tin KTXH của tỉnh
4	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu	20		20				2019-2020	Trung tâm Tin học	Nâng cao năng lực của Trung tâm tích hợp dữ liệu, đáp ứng nhu cầu phát triển đa dịch vụ, đa ứng dụng với chi phí tiết kiệm
5	Nâng cao năng lực hệ thống mạng máy tính cơ quan Đảng	10		10				2016 – 2020	VPTU	Triển khai phần mềm ứng dụng; Thay thế, bổ sung thiết bị đã đầu tư ở gđ trước

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Trong đó					Dự kiến Tg thực hiện	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu
			NSTW hỗ trợ	NS ĐP	Doanh nghiệp	Vốn tài trợ	Vốn XHH			
II	Ứng dụng công nghệ thông tin	166	0	143,5	0	0	22,5			
1	Hệ thống thông tin thống kê	2		2				2016	Cục Thống kê	Hỗ trợ các ngành, địa phương xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH và phát triển ngành, lĩnh vực
2	Ứng dụng phần mềm một cửa điện tử cho cấp xã	4		4				2016-2017	Sở TTTT + Sở Nội vụ	Triển khai phần mềm một cửa điện tử cho cấp xã
3	Hệ thống thông tin văn hóa, thể thao, du lịch	4		4				2016-2017	Sở VH-TT-DL	Xây dựng hệ thống phần mềm và CSDL chuyên ngành VH-TTDL
4	Số hóa Tài liệu lưu trữ	15		15				2016-2017	Sở Nội vụ	Số hóa và quản lý tài liệu lưu trữ
5	Xây dựng CSDL kiểu bào, đồng hương Đồng Tháp	1		0,5			0,5	2016-2017	Sở Ngoại vụ	Tạo cơ hội cho người Đồng Tháp sống xa quê hướng về nguồn cội, xây dựng quê hương
6	Mở rộng, nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và điều hành eOffice	15		15				2017-2018	Sở TTTT	Mở rộng đến ngành Tòa án, Kiểm sát, Cục Thi hành án, các cơ quan mật trận, đoàn thể; Tích hợp chức năng theo dõi kết quả công việc và đánh giá CBCC
7	Hệ thống thông tin nông nghiệp và phát triển nông thôn	15		15				2016-2017	Sở NN&PTNT	XD CSDL và phần mềm hỗ trợ phát triển ngành Nông nghiệp & PTNT
8	Hệ thống thông tin lao động, thương binh và xã hội	4		4				2017-2018	Sở LĐTB&XH	XD phần mềm quản lý và tạo CSDL ngành

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Trong đó					Dự kiến Tg thực hiện	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu
			NSTW hỗ trợ	NS ĐP	Doanh nghiệp	Vốn tài trợ	Vốn XHH			
9	Hệ thống thông tin ngành công thương	15		15				2017-2018	Sở Công Thương	XD CSDL và phần mềm hỗ trợ phát triển ngành Công Thương
10	Ứng dụng công nghệ GIS quản lý hạ tầng viễn thông	10		10				2017-2018	Sở TTTT	Quản lý, quy hoạch hệ thống điện, nước, viễn thông, truyền hình
11	Hệ thống chẩn đoán, khám chữa bệnh từ xa	30		10			20	2018-2020	Sở Y tế	Hỗ trợ chẩn đoán bệnh từ xa qua mạng máy tính
12	Nâng cấp phần mềm một cửa điện tử	8		8				2019-2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Nâng cấp sang công nghệ portal và tích hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến
13	Ứng dụng công nghệ GIS quản lý hạ tầng giao thông	10		10				2017-2018	Sở Giao thông Vận tải	Quản lý, quy hoạch hạ tầng giao thông
14	Ứng dụng công nghệ GIS quản lý hạ tầng xây dựng	15		15				2019-2020	Sở XD	Quản lý, quy hoạch xây dựng
15	Tiếp nhận và triển khai cơ sở dữ liệu dân cư	3		3				2016-2020	Công an Tỉnh	Tiếp nhận từ TW, tính đối ứng 1 phần kinh phí
16	Tiếp nhận và triển khai cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường	10		10				2016-2020	Sở TNMT	Tiếp nhận từ TW, tính đối ứng 1 phần kinh phí
17	Thư viện điện tử	5		3			2	2016-2020	Sở GD + Sở VH-TT-DL	XD kho dữ liệu về văn hóa, con người Đồng Tháp; Hệ thống đề thi, đáp án, giáo án, sách điện tử...

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Trong đó					Dự kiến Tg thực hiện	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu
			NSTW hỗ trợ	NS ĐP	Doanh nghiệp	Vốn tài trợ	Vốn XHH			
III	Đề án phát triển CNTT ngành Giáo dục và Đào tạo (giai đoạn 2)	50	20	30				2016-2020	Sơ GD-ĐT	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT của Tỉnh
IV	Hỗ trợ doanh nghiệp Ứng dụng CNTT	50		5	40		5	2016-2020	Các DN trên địa bàn Tỉnh	Ứng dụng phần mềm quản lý, SXKD, ứng dụng chữ ký số
V	Hỗ trợ người dân ứng dụng công nghệ thông tin	100		5			95	2016-2020	Sở TTTT + UBND cấp huyện	Phổ cập kiến thức tin học cho người dân; Hướng dẫn khai thác dịch vụ công trực tuyến
VI	Ứng dụng công nghệ GIS quản lý tài nguyên môi trường từ nguồn tài trợ Nhật Bản	90		10				2016-2020	Sở TNMT	Tiếp nhận từ nguồn tài trợ Nhật Bản, tính đối ứng 1 phần kinh phí
VII	ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO CBCC	5		5				2016-2020	Sở TTTT	Đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ CBCC trong các cơ quan nhà nước
	<b>TỔNG CỘNG</b>	527,4	20	264,9	40	1	122,5			



**PHỤ LỤC 4**  
**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CNTT GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Trong đó		Tg thực hiện	DỰ KIẾN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH HÀNG NĂM					Ghi chú
			NSTW hỗ trợ	NS ĐP		2016	2017	2018	2019	2020	
<b>A</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ</b>	<b>201,9</b>	<b>20</b>	<b>161,9</b>		<b>47</b>	<b>51,9</b>	<b>34</b>	<b>26</b>	<b>23</b>	
<b>I</b>	<b>Phát triển hạ tầng CNTT</b>	<b>56,4</b>	<b>0</b>	<b>56,4</b>		<b>25</b>	<b>11,4</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>12</b>	
1	Xây dựng giải pháp an toàn, an ninh thông tin cho mạng LAN của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	15		15	2016	15					Mời bổ sung theo Nghị quyết 36-NQ/TW, chưa có trong KH đầu tư công gđ 2016-2020
2	Hệ thống mạng thông tin tài nguyên và môi trường	11,4		11,4	2016-2017	6	5,4				Dự án đã được phê duyệt
3	Xây dựng thành phố điện tử	10		10	2016-2017	4	6				Chưa có trong KH đầu tư công gđ 2016-2020
4	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu	20		20	2019-2020				8	12	Chưa có trong KH đầu tư công gđ 2016-2020
<b>II</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	<b>95,5</b>		<b>75,5</b>		<b>12</b>	<b>30,5</b>	<b>24</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	
1	Hệ thống thông tin thống kê	2		2	2016	2					Chưa có trong KH đầu tư công gđ 2016-2020
2	Số hóa Tài liệu lưu trữ	6,5		6,5	2016-2017	3	3,5				Vốn đầu tư để trang bị hạ tầng, bản quyền phần mềm nền, phần mềm số hóa, phát triển phần mềm quản lý

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Trong đó		Tg thực hiện	DỰ KIẾN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH HÀNG NĂM					Ghi chú
			NSTW hỗ trợ	NS ĐP		2016	2017	2018	2019	2020	
3	Mở rộng, nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và điều hành eOffice	15		15	2017-2018		5	10			Mời bổ sung theo Nghị quyết 36-NQ/TW, chưa có trong KH đầu tư công gd 2016-2020
4	Hệ thống thông tin văn hóa, thể thao, du lịch	4		4	2016-2017	1	3				Nếu lĩnh vực nào có thể áp dụng hình thức thuê dịch vụ thì chuyển sang sử dụng vốn sự nghiệp
5	Hệ thống thông tin nông nghiệp và phát triển nông thôn	15		15	2016-2017	5	10				
6	Hệ thống thông tin lao động, thương binh và xã hội	4		4	2017-2018		1	3			
7	Hệ thống thông tin ngành công thương	15		15	2017-2018		5	10			
11	Hệ thống chẩn đoán, khám chữa bệnh từ xa	30		10	2018-2020			1	8	1	
12	Ứng dụng phần mềm một cửa điện tử cho cấp xã	4		4	2016-2017	1	3				
<b>III</b>	<b>Đề án phát triển CNTT ngành Giáo dục và Đào tạo (giai đoạn 2)</b>	<b>50</b>	<b>20</b>	<b>30</b>		<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	
<b>B</b>	<b>VỐN SỰ NGHIỆP</b>	<b>235,5</b>	<b>0</b>	<b>93</b>	<b>0</b>	<b>12,5</b>	<b>16</b>	<b>18,5</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	
<b>I</b>	<b>Phát triển hạ tầng CNTT</b>	<b>10</b>		<b>10</b>		<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
1	Nâng cao năng lực hệ thống mạng máy tính cơ quan Đảng	10		10	2016 – 2020	2	2	2	2	2	
<b>II</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	<b>70,5</b>		<b>68</b>		<b>7,5</b>	<b>11</b>	<b>13,5</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Trong đó		Tg thực hiện	DỰ KIẾN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH HÀNG NĂM					Ghi chú
			NSTW hỗ trợ	NS ĐP		2016	2017	2018	2019	2020	
1	Số hóa Tài liệu lưu trữ	8.5		8.5	2016-2017	4	4,5				
2	Tiếp nhận và triển khai cơ sở dữ liệu dân cư	3		3	2016-2020	0,5	1	0,5	0,5	0,5	
3	Tiếp nhận và triển khai cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường	10		10	2016-2020	2	2	2	2	2	
4	Thư viện điện tử	5		3	2016-2020	0,5	3	0,5	0,5	0,5	
5	Xây dựng CSDL kiểu bào, đồng hương Đồng Tháp	1		0,5	2016-2017	0,5					50% vốn ngân sách, 50% vốn xã hội hóa
6	Nâng cấp phần mềm một cửa điện tử	8		8	2019-2020				2	6	Nếu có thể áp dụng hình thức thuê dịch vụ thì sẽ trả chi phí hàng năm
7	Ứng dụng công nghệ GIS quản lý hạ tầng viễn thông	10		10	2017-2018		0,5	9,5			Trong trường hợp cơ quan TW chuyển giao phần mềm thì bỏ trừ vốn đối ứng với chi phí bằng 50% chi phí phát triển từ đầu
8	Ứng dụng công nghệ GIS quản lý hạ tầng giao thông	10		10	2018-2019			1	9		
9	Ứng dụng công nghệ GIS quản lý hạ tầng xây dựng	15		15	2019-2020				5	10	
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ doanh nghiệp Ứng dụng CNTT</b>	<b>50</b>		<b>5</b>	<b>2016-2020</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	Vốn ngân sách hỗ trợ một phần hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương mại điện tử, ứng dụng chữ ký số...

STT	Tên chương trình, đề án, dự án	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Trong đó		Tg thực hiện	DỰ KIẾN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH HÀNG NĂM					Ghi chú
			NSTW hỗ trợ	NS ĐP		2016	2017	2018	2019	2020	
V	Hỗ trợ người dân ứng dụng công nghệ thông tin	100		5	2016-2020	1	1	1	1	1	Vốn ngân sách hỗ trợ một phần đào tạo phổ cập tin học, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến
VI	ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO CBCC	5		5	2016-2020	1	1	1	1	1	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	437,4	20	254,9		59,5	67,9	52,5	50	47	

**PHỤ LỤC 5**  
**THỐNG KÊ NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng	Trình độ				Ghi chú
			Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	
1	Văn phòng UBND Tỉnh	3		3			
2	Sở Nội vụ	2		2			
3	Sở Ngoại vụ	0					
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	2		2			
5	Sở Khoa học và Công nghệ	3		1			
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0					
7	Sở Y tế	1		1			
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	1		1			
9	Sở Văn hóa và Thể thao, Du lịch	1		1			
10	Sở Tư pháp	1		1			
11	Sở Giao thông Vận tải	8		5		3	

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng	Trình độ				Ghi chú
			Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	1		1			
13	Sở Xây dựng	1		1			
14	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1		1			
15	Sở Công thương	1		1			
16	Sở Thông tin và Truyền thông	6	1	5			
17	Trung tâm Tin học	14	2	12			
18	Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư	3		3			
19	Ban Quản lý Khu kinh tế	1		1			
20	Ban Quản lý Khu di tích Gò Tháp	1		1			
21	Thanh tra tỉnh	1		1			
22	Cục Thống kê	0					
23	UBND Thành phố Cao Lãnh	4		4			
24	UBND Thành phố Sa Đéc	3		3			
25	UBND Thị xã Hồng Ngự	2		1	1		

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng	Trình độ				Ghi chú
			Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	
26	UBND huyện Cao Lãnh	2		1			
27	UBND huyện Thanh Bình	2		2			
28	UBND huyện Tam Nông	0					
29	UBND huyện Hồng Ngự	2		2			
30	UBND huyện Tân Hồng	2		2			
31	UBND huyện Tháp Mười	2		2			
32	UBND huyện Lai Vung	2		2			
33	UBND huyện Lấp Vò	3		3			
34	UBND huyện Châu Thành	2		1		1	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78</b>	<b>3</b>	<b>67</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	